

Số : 691/BC-UBND

Phú Quốc, ngày 19 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CÔNG KHAI

**Thực hiện dự toán ngân sách năm 2022, điều chỉnh dự toán ngân sách
năm 2022 và xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách năm 2023**

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2022

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2022 của thành phố đạt nhiều kết quả khả quan trên mọi mặt. Các chỉ tiêu kinh tế của thành phố có sự tăng trưởng khá cao so với kế hoạch nhờ sự quyết tâm, nỗ lực của các cấp các ngành, các tổ chức đoàn thể và địa phương trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với công tác phòng, chống dịch Covid-19, nguồn thu ngân sách ước thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch, các giải pháp an sinh xã hội, chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, người lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 được địa phương quan tâm thực hiện tốt, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Tổng dự toán thu giao trên địa bàn: 5.400 tỷ đồng, trong đó: Cục Thuế thu là: 2.420 tỷ đồng, số thu phân cấp thành phố quản lý: 2.980 tỷ đồng, gồm thu từ tiền đất là 1.676 tỷ đồng (tiền thuê đất 700 tỷ đồng, tiền sử dụng đất 976 tỷ đồng) và nguồn thu nội địa 1.304 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: thực hiện 10 tháng là 4.494,872 tỷ đồng, trong đó: Cục Thuế thu là 2.120 tỷ đồng, phân cấp thành phố quản lý là 2.374,968 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 6.000,100 tỷ đồng, đạt 111,11% dự toán trong đó: Cục thuế thu là: 2.500 tỷ đồng, đạt 103,3% so với dự toán giao, số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 1 tỷ đồng, phân cấp thành phố quản lý là: 3.500,100 tỷ đồng, đạt 117,45% dự toán tỉnh giao và 154,65% so với cùng kỳ.

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước

Thu cân đối ngân sách nhà nước: thực hiện 10 tháng phân cấp thành phố quản lý là: 2.327,171 tỷ đồng, ước thực hiện phân cấp thành phố quản lý là: 3.499,100 tỷ đồng, bằng 117,42% dự toán giao, bằng 155,22% so với cùng kỳ, trong đó:

1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: thực hiện 10 tháng là 23,852 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 54 tỷ đồng, bằng 142,11 % dự toán giao, bằng 241,84% so với cùng kỳ.

1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: thực hiện 10 tháng là 5,648 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 6 tỷ đồng, bằng 50% dự toán giao, bằng 49,27% so với cùng kỳ.

1.3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: thực hiện 10 tháng là 202,308 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 205 tỷ đồng, bằng 1.464,29 % dự toán giao, bằng 2.454,5% so với cùng kỳ.

1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: thực hiện 10 tháng là 751,643 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1.060 tỷ đồng, bằng 176,67% dự toán giao, bằng 237,53% so với cùng kỳ.

1.5. Thu thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 10 tháng là 433,015 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 505 tỷ đồng, bằng 202,81% dự toán giao, bằng 231,02% so với cùng kỳ.

1.6. Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 10 tháng là 322,632 tỷ đồng, trong đó: ghi thu ghi chi: 41,647 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 500,100 tỷ đồng (trong đó: ghi thu ghi chi là: 100 tỷ đồng), nếu loại trừ ghi thu ghi chi thì chỉ đạt 401,100 tỷ đồng bằng 40,99% dự toán giao, bằng 124,91% so với cùng kỳ.

1.7. Thu tiền thuê đất: thực hiện 10 tháng là 206,025 tỷ đồng, trong đó: ghi thu ghi chi: 87,513 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 700 tỷ đồng (trong đó: Ghi thu ghi chi là: 590 tỷ đồng), bằng 100% dự toán giao, bằng 91,3% so với cùng kỳ.

1.8. Thu thuế bảo vệ môi trường: thực hiện 10 tháng là 109,527 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 125 tỷ đồng, bằng 62,5% dự toán giao, bằng 126,8% so với cùng kỳ.

1.9. Thu lệ phí trước bạ: thực hiện 10 tháng là 150,826 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 170 tỷ đồng, bằng 161,9% dự toán giao, bằng 155,55% so với cùng kỳ.

1.10. Thu phí, lệ phí: thực hiện 10 tháng là 16,662 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 19 tỷ đồng, bằng 86,36% dự toán giao, bằng 118,56% so với cùng kỳ.

1.11. Thu khác ngân sách: thực hiện 10 tháng là 97,556 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 146,8 tỷ đồng, bằng 233,02% dự toán giao, bằng 159,58% so với cùng kỳ.

1.12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện 10 tháng là 1,194 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1,2 tỷ đồng, bằng 120% dự toán giao, bằng 136,28% so với cùng kỳ.

1.13. Thu đóng góp thực hiện 10 tháng là 6,283 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 7 tỷ đồng, bằng 193,45% so với cùng kỳ.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thực hiện cả năm là 1 tỷ đồng.

3. Đánh giá tổng thể về các lĩnh vực thu

Nhìn chung tình hình kinh tế của thành phố năm 2022 có nhiều chuyển biến khởi sắc, đánh dấu sự vượt lên mạnh mẽ sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều sắc thuế đạt và vượt so với dự toán được giao và tăng so với cùng kỳ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và hiệu quả, phần lớn các chỉ tiêu ngân sách đều đạt và vượt tiến độ so với Nghị quyết của Đảng bộ thành phố đề ra, từ đó góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân, cụ thể như sau:

Có 9/13 khu vực sắc thuế ước đạt và vượt dự toán giao gồm:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương ước đạt 54 tỷ đồng, bằng 142,11% dự toán giao.
- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ước đạt 205 tỷ đồng, bằng 1.464,29% dự toán giao.
- Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 1.060 tỷ đồng, bằng 176,67% dự toán giao.
- Thu thuế thu nhập cá nhân: ước đạt 505 tỷ đồng, bằng 202,81% dự toán giao.
- Thu tiền cho thuê đất ước đạt 700 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán.
- Thu lệ phí trước bạ: ước đạt 170 tỷ đồng, bằng 161,9% dự toán giao.
- Thu khác ngân sách ước đạt: 146,8 tỷ đồng, bằng 233,02% dự toán giao.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ước đạt 1,2 tỷ đồng, bằng 120% dự toán giao.
- Thu đóng góp ước đạt 7 tỷ đồng.

Còn 4/13 khu vực, sắc thuế không đạt dự toán giao gồm: thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (50% dự toán), thu tiền sử dụng đất (40,99% dự toán), thu thuế bảo vệ môi trường (62,5% dự toán), thu phí và lệ phí (86,36% dự toán) do một số chính sách giảm và giãn thuế hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, vẫn còn nhiều chuyến bay quốc tế chưa hoạt động trở lại do tác động của đại dịch Covid-19,....

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách nhà nước

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, ngay từ đầu năm các phòng, ban của thành phố và các xã, phường đã tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2022, trong đó tập trung phân bổ dự toán chi ngân sách được giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo quy định; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, không bố trí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, triệt để tiết kiệm, hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; duy trì thường xuyên việc kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, kịp thời phát hiện để chấn chỉnh hoặc xử lý các sai phạm. Chủ

động bố trí các nhiệm vụ chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cấp mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, phân đầu tăng các nguồn thu theo quy định. Chủ động điều hành chi ngân sách theo dự toán và khả năng thu ngân sách địa phương; đảm bảo cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đồng thời, tăng cường công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách, chủ động đề ra các biện pháp nhằm hoàn thành mức cao nhất dự toán thu NSNN được giao để có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý các nhiệm vụ phát sinh; quản lý điều hành chi NSNN theo dự toán được giao và khả năng thu ngân sách. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát tài chính – ngân sách, công tác kiểm soát chi NSNN, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các sai phạm.

2. Tình hình thực hiện dự toán ở một số lĩnh vực chi Ngân sách nhà nước

Dự toán chi ngân sách nhà nước do tỉnh giao là: 1.122,276 tỷ đồng, do Hội đồng nhân dân thành phố giao là: 2.323,519 tỷ đồng, do Hội đồng nhân dân thành phố giao điều chỉnh giữa năm là: 3.641,455 tỷ đồng, ước dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02 là: 3.650,456 tỷ đồng.

Thực hiện 10 tháng là 1.314,364 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 2.946,557 tỷ đồng, bằng 262,55% dự toán tỉnh giao, bằng 126,81% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 79,99% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 80,92% so với dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 107,98% so với cùng kỳ, cụ thể các khoản chi chủ yếu như sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 10 tháng là 659,237 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1.731,075 tỷ đồng (trong đó: 100 tỷ ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất của thành phố và 590 tỷ đồng ghi thu ghi chi tiền thuê đất) bằng 295,61% dự toán tỉnh giao, bằng 122,6% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 66,65% so với dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 73,97% so với dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 224,6% so với cùng kỳ.

2.2. Chi thường xuyên: thực hiện 10 tháng là 577,484 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1.099,705 tỷ đồng, bằng 236,9% dự toán tỉnh giao, bằng 185,88% dự toán HĐND giao đầu năm, bằng 144,27% HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 92,8% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 244,59% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: thực hiện 10 tháng là 186,381 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 485,272 tỷ đồng, bằng 323,77% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 202,26% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 91,09% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 322,1% so với cùng kỳ, trong đó: Chi bồi thường cho các dự án trên địa bàn thành phố từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang 252 tỷ đồng; Chi bồi thường của

dự án Khu di lịch ven biển Bắc Bãi Trường do Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam làm chủ đầu tư từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang 11,6 tỷ đồng; tạm ứng chi trả cho các hộ dân 40,141 tỷ đồng dự án Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc thực hiện theo chủ trương tại Thông báo số 536/TB-VP ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; chi trợ giá điện: 15 tỷ đồng,...

2.2.2. Chi sự nghiệp môi trường, du lịch: thực hiện 10 tháng là 20,988 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 70,701 tỷ đồng, bằng 91,57% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 87,61% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 254,67% so với cùng kỳ.

2.2.3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 10 tháng là 181,168 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm bằng 254,836 tỷ đồng, bằng 118,72% so với dự toán tỉnh giao, bằng 109,11% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 97,85% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 147,04% so với cùng kỳ.

2.2.4. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: thực hiện 10 tháng là 117,769 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 151,853 tỷ đồng, bằng 278,51% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 219,59% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 88,9% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 330,93% so với cùng kỳ, tăng chủ yếu chi mua bảo hiểm y tế xã đảo 111,658 tỷ đồng chi từ nguồn tỉnh bổ sung.

2.2.5. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: thực hiện 10 tháng là 3,459 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 7,9 tỷ đồng, bằng 96,36% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02 và dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 169,86% so với cùng kỳ do thành phố tổ chức lại các hoạt động văn hóa sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

2.2.6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: thực hiện 10 tháng là 621 triệu đồng, ước thực hiện cả năm là 1,064 triệu đồng, bằng 190,04% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và bằng 95% dự toán HĐND giao điều chỉnh và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 1.142% so với cùng kỳ do trong năm thực hiện Đại hội Thể dục thể thao cấp xã, phường, cấp thành phố và tham gia Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh.

2.2.7. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: thực hiện 10 tháng là 279 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 1,177 tỷ đồng, bằng 90% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 90% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 301,7% so với cùng kỳ.

2.2.8. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 10 tháng là 17,628 tỷ đồng, do đang trong thời gian thực hiện chi trả các chính sách hỗ trợ tiền nhà trọ cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và kinh phí trợ cấp hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP. Từ đó, ước

thực hiện cả năm là 59,098 tỷ đồng, bằng 2.953,78% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 190,01% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 99,64% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 2.382,86% so với cùng kỳ.

2.2.9. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: thực hiện 10 tháng là 38,317 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 47,266 tỷ đồng, bằng 97,31% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 95,5% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 117,85% so với cùng kỳ.

2.2.10. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội: thực hiện 10 tháng là 5,421 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là: 10,273 tỷ đồng, bằng 106,05% dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 96,85% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 275,89% so với cùng kỳ.

2.2.11. Chi khác ngân sách: thực hiện 10 tháng 5,451 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 10 tỷ đồng, bằng 166,67% so với dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 100% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 131,63% so với cùng kỳ.

2.3. Chi thực hiện cải cách tiền lương: thực hiện 10 tháng là 12,312 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 2 tỷ đồng, bằng 0,9% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và điều chỉnh giữa năm do chuyển kinh phí trợ cấp hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP 11 tỷ đồng và chi mua bảo hiểm y tế xã đảo 101,666 tỷ đồng lên nguồn chi thường xuyên từ tỉnh bổ sung nên tỷ lệ thực hiện so với dự toán điều chỉnh giữa năm không cao, giảm dự toán hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19: 79 tỷ đồng, giảm dự toán quản lý chung để chi cho các chế độ chính sách,... bằng 100% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 1,12% so với cùng kỳ.

2.4. Chi khen thưởng: thực hiện 10 tháng là 0,6 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1 tỷ đồng, bằng 66,67% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 87,63% so với cùng kỳ.

2.5. Chi dự phòng: thực hiện 10 tháng 1,05 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 10,151 tỷ đồng, chủ yếu là chi cho công tác phòng, chống dịch bằng 109,36% dự toán tỉnh giao, bằng 100% so với dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, điều chỉnh giữa năm và dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 75,83% so với cùng kỳ.

2.6. Chi trợ cấp ngân sách xã, phường: thực hiện 10 tháng là 63,7 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 102,890 tỷ đồng, bằng 162,54% dự toán tỉnh giao, bằng 118,59% so dự toán HĐND thành phố giao đầu năm, bằng 113,21% so dự toán HĐND thành phố giao điều chỉnh giữa năm, bằng 100% dự toán dự kiến điều chỉnh lần 02, bằng 130,61% so với cùng kỳ.

3. Đánh giá thực hiện công tác chi ngân sách địa phương

Nhìn chung tình hình thực hiện nhiệm vụ chi trong năm 2022 phần lớn các nhiệm vụ chi cần thiết đã được hoàn thành, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc đã thực hiện tốt cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 và tiếp tục thực hiện chi các gói chính sách hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 trong năm 2022 cũng như tập trung giải ngân các công trình xây dựng cơ bản, tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt 100% theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Về công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trên địa bàn thành phố từ nguồn ngân sách nhà nước: do đây là nhiệm vụ mới phát sinh, nên trong quá trình xử lý còn nhiều vướng mắc, vì thế Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung phối hợp với Sở Tài chính tiếp tục thực hiện, cố gắng hoàn thành trong năm 2022.

III. THỰC HIỆN MỘT SỐ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH KHÁC

1. Về tình hình thực hiện phòng chống dịch Covid-19

1.1. Kinh phí phục vụ cho công tác phòng, chống dịch Covid-19

Tổng kinh phí đã bổ sung và cấp tạm ứng dự kiến đến hết năm 2022 là 23 tỷ đồng, bao gồm kinh phí mua sắm sinh phẩm, máy móc thiết bị, hóa chất xét nghiệm, thuốc, vật tư y tế,... phòng chống dịch; xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV2 cộng đồng và cơ sở điều trị toàn thành phố; chi xây dựng, sửa chữa các khu cách ly, điều trị, thu dung bệnh nhân F1, F0, các khoản chi phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn trực tiếp cho công tác chống dịch, chi cho lực lượng trực tiếp phòng, chống dịch.

1.2. Chi hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19:

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 68/2021/NĐ-CP trong năm 2022 là: 26 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền nhà trọ cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19: 28,5 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Năm 2022, ngân sách thành phố ước thực hiện hỗ trợ và mua 128.198 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng với số tiền là: 101,905 tỷ đồng (trong đó: số thẻ đã phát hành các đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi là: 13.754 thẻ với số tiền 11,066 tỷ đồng, người nghèo 252 thẻ với số tiền 210 triệu đồng; học sinh - sinh viên là 326 thẻ với số tiền 78 triệu đồng; y tế xã đảo là 111.823 thẻ với số tiền 90,214 tỷ đồng; người dân di cư tự do từ Campuchia trở về Việt Nam 23 thẻ với số tiền 18 triệu đồng; người cao tuổi đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng 25 thẻ với số tiền 20 triệu đồng, bảo hiểm xã hội tự nguyện 1.995 thẻ với số tiền là 299 triệu đồng.

IV. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

1. Ước tổng thu ngân sách thành phố được sử dụng	4.209,242 tỷ đồng
1.1. Tổng thu điều tiết được hưởng	1.895,592 tỷ đồng
1.1.1. Thu điều tiết	965,492 tỷ đồng
1.1.2. Thu tiền sử dụng đất và thuê đất	930,100 tỷ đồng
1.2. Thu chuyển giao	470,521 tỷ đồng
1.3. Thu chuyển nguồn	1.234,391 tỷ đồng
1.4. Thu kết dư ngân sách	608,738 tỷ đồng
2. Tổng chi ngân sách thành phố	2.946,557 tỷ đồng
2.1. Chi đầu tư	1.731,075 tỷ đồng
+ Ghi thu ghi chi tiền đất (100 tỷ đồng tiền sử dụng đất + thuê đất):	590 tỷ đồng tiền 690,000 tỷ đồng
+ Chi từ 60% tiền sử dụng đất:	240,100 tỷ đồng
+ Chi từ vốn tỉnh và trung ương kế hoạch năm 2022:	294,894 tỷ đồng
+ Chi từ nguồn kết dư bổ sung hụt thu tiền sử dụng đất:	84,031 tỷ đồng
+ Chi từ nguồn vốn chuyển nguồn:	422,050 tỷ đồng
2.2. Chi thường xuyên, chi khác và dự phòng ngân sách	1.110,592 tỷ đồng
2.3. Chi cải cách tiền lương	2,000 tỷ đồng
2.4. Chi chuyển giao	102,890 tỷ đồng
3. Ước chênh lệch thu chi cuối năm 2022	1.262,684 tỷ đồng
3.1. Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương:	1.050,515 tỷ đồng
3.2. Nguồn xây dựng cơ bản 60%:	25,518 tỷ đồng
3.3. Nguồn chi thường xuyên:	186,651 tỷ đồng

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

1. Tổng thu ngân sách xã, phường sử dụng	186,993 tỷ đồng
1.1. Thu được hưởng điều tiết	21,722 tỷ đồng
1.2. Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên	102,890 tỷ đồng
1.3. Thu chuyển nguồn từ năm trước	35,828 tỷ đồng
1.4. Thu đóng góp	6,745 tỷ đồng
1.5. Thu kết dư năm 2021	18,808 tỷ đồng
2. Tổng chi ngân sách xã, phường	142,659 tỷ đồng
3. Tồn quỹ:	44,334 tỷ đồng

PHẦN THỨ HAI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022 (LẦN 2)

I. NHU CẦU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI:

- Dự toán chi ngân sách thành phố đầu năm (1): 2.323,519 tỷ đồng
- Dự toán chi NS thành phố điều chỉnh giữa năm (2): 3.683,428 tỷ đồng
- Dự toán chi ngân sách thành phố điều chỉnh lần 02 (3): 3.641,455 tỷ đồng
- Số chênh lệch dự toán chi điều chỉnh lần 02 so với dự toán chi điều chỉnh giữa năm giảm (4) = (3) - (2): 41,973 tỷ đồng

Cụ thể tăng, giảm trên từng lĩnh vực như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: 2.597,188 tỷ đồng giảm còn 2.340,209 tỷ đồng, giảm 256,979 tỷ đồng, tương đương giảm 9,89%. Trong đó:

1.1. Tăng chi đầu tư XD CB từ vốn Trung ương và vốn tỉnh phân cấp 68,539 tỷ đồng (gồm vốn sở xố kiến thiết giảm 7,761 tỷ đồng, nguồn tỉnh 40% nguồn thu sử dụng đất tăng 76,300 tỷ đồng).

1.2. Giảm kế hoạch ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất 300 tỷ đồng.

1.3. Giảm chi từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang: 25,518 tỷ đồng.

2- Chi thường xuyên: từ 762,050 tỷ đồng tăng lên 1.184,705 tỷ đồng, tăng 422,655 tỷ đồng, tương đương tăng 55,5%, trong đó:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: từ 239,922 tỷ đồng tăng lên 532,711 tỷ đồng, tăng 292,788 tỷ đồng, tương đương tăng 122,03%, gồm:

+ Tăng chi thường xuyên: Tạm ứng các năm 2020 trở về trước chuyển sang tạm ứng có dự toán: 32,963 tỷ đồng.

+ Giảm chi cho lực lượng công nhân khối thị chính của Ban Quản lý Công trình Công cộng: 3,809 tỷ đồng.

+ Tăng dự toán chi bồi thường cho các dự án trên địa bàn thành phố từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang và chi bồi thường của dự án Khu di lịch ven biển Bắc Bãi Trường do Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam làm chủ đầu tư từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang: 263,634 tỷ đồng.

2.2. Chi khoa học công nghệ: 0 tỷ đồng, không tăng, không giảm.

2.3. Chi sự nghiệp môi trường, du lịch: 80,701 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.4. Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 260,444 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.5. Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 69,154 tỷ đồng, tăng lên 170,813 tỷ đồng, tăng 101,658 tỷ đồng, tương đương tăng 147%, gồm:

+ Tăng 101,658 tỷ đồng ngân sách tỉnh bổ sung chi mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng xã đảo, trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh-sinh viên,...

2.6. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin: 8,2 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.7. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 1,12 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.8. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 1,307 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.9. Chi đảm bảo xã hội: 31,103 tỷ đồng, tăng lên 59,312 tỷ đồng, tăng 28,209 tỷ đồng, tương đương tăng 90,69%, từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung, gồm: Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững; kinh phí trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và bảo hiểm cho các đối tượng chính sách, kinh phí hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP...

2.10. Chi quản lý hành chính: 49,491 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.11. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: 10,607 tỷ đồng, không tăng không giảm.

2.12. Chi khác: 10 tỷ đồng, không tăng, không giảm.

3. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 221,658 tỷ đồng, giảm còn 02 tỷ đồng, giảm 219,658 tỷ đồng, tương đương giảm 99,1%, giảm kinh phí mua bảo hiểm y tế xã đảo và kinh phí trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP: 11 tỷ đồng và bảo hiểm cho các đối tượng chính sách 111 tỷ đồng chuyển sang chi từ sự nghiệp y tế, giảm dự toán chi hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP: 79 tỷ đồng và một số chế độ chính sách khác, quản lý chung trong năm.

4. Chi khen thưởng: 1,5 tỷ đồng, không tăng không giảm.

5. Chi dự phòng: 10,151 tỷ đồng, không tăng không giảm.

6. Chi bổ sung ngân sách xã: 90,881 tỷ đồng tăng lên 102,890 tỷ đồng, tăng 12,009 tỷ đồng, tương đương tăng 13,21%, tăng chi kinh phí tỉnh cấp bổ sung: kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và nông thôn mới, kinh phí hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ...

II. CÂN ĐỐI NGUỒN

Giảm chi 41,973 tỷ đồng được xử lý cụ thể như sau:

1. Tăng chi đầu tư XDCH từ vốn Trung ương và vốn tỉnh phân cấp 68,539 tỷ đồng.
2. Giảm kế hoạch ghi thu ghi chi tiền đất: 300 tỷ đồng.
3. Giảm chi XDCH từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021: 25,518 tỷ đồng.
4. Tăng từ ngân sách tỉnh cấp bổ sung trợ cấp thuộc lĩnh vực chi thường xuyên trong năm 2022: 141,876 tỷ đồng.
5. Tăng chi từ nguồn tăng thu năm 2022 so với dự toán: 29,154 tỷ đồng.
6. Giảm chi 219,658 tỷ đồng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố.
7. Bố trí thêm nguồn chi thường xuyên từ nguồn kết dư ngân sách thành phố cho chi bồi thường cho các dự án trên địa bàn thành phố từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang và chi bồi thường của dự án Khu di lịch ven biển Bắc Bãi Trường do Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam làm chủ đầu tư từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang: 263,634 tỷ đồng.

PHẦN THỨ BA

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

Thực hiện Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023, dự toán thu năm 2023 do Cục Thuế giao, UBND thành phố Phú Quốc xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 theo các nội dung sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Về tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2023: 5.780 tỷ đồng bằng 107,04% so với dự toán năm 2022, trong đó: Cục thuế thu trên địa bàn là: 3.446 tỷ đồng, phân cấp cho thành phố quản lý 2.334 tỷ đồng (bao gồm ghi thu: tiền

thuê đất 200 tỷ đồng và tiền sử dụng đất 200 tỷ đồng) bằng 78,32% so với dự toán năm 2022.

Chi tiết dự toán thu phân cấp thành phố quản lý là:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: 71 tỷ đồng, bằng 186,84% so với dự toán năm 2022.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 8 tỷ đồng, bằng 66,67% so với dự toán năm 2022.

3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 26 tỷ đồng, bằng 185,71% so với dự toán năm 2022.

4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 655 tỷ đồng, bằng 109,17% so với dự toán năm 2022.

5. Thu thuế thu nhập cá nhân: 275 tỷ đồng, bằng 110,44% so với dự toán năm 2022.

6. Thu tiền sử dụng đất: 450 tỷ đồng, bằng 46,11% so với dự toán năm 2022. Trong đó: thu tiền mặt là 250 tỷ đồng và ghi thu ghi chi là 200 tỷ đồng.

7. Thu tiền thuê đất: 300 tỷ đồng, trong đó: ghi thu ghi chi: 200 tỷ đồng, bằng 42,86% so với dự toán năm 2022.

8. Thu thuế bảo vệ môi trường: 285 tỷ đồng, bằng 142,5% so với dự toán năm 2022.

9. Thu lệ phí trước bạ: 181 tỷ đồng, bằng 172,38% so với dự toán năm 2022.

10. Thu phí, lệ phí: 22 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2022.

11. Thu khác ngân sách: 60 tỷ đồng, bằng 95,24% so với dự toán năm 2022.

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 1 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2022.

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2023

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 được xây dựng bố trí chi thường xuyên theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, đảm bảo các khoản chi cho con người, nhưng yêu cầu triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tự chủ đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực, cắt giảm các khoản chi chưa cấp bách để tập trung tối đa nguồn lực cho phòng chống dịch bệnh. Hạn chế tối đa các khoản chi thường xuyên chưa cấp thiết; các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ đặc thù bố trí mức chi tối thiểu và theo khả năng cân đối ngân sách. Tiếp theo là bố trí ưu tiên các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cần thiết, chi an sinh xã hội, bố trí hợp lý dự phòng ngân sách theo quy định để đảm bảo xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

Năm 2023, phương án phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2023 được xây dựng chỉ cho con người theo mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, bố trí chi công việc phù hợp với điều kiện thu ngân sách và điều kiện thực tế đảm bảo quy định.

1. Dự toán chi từ dự kiến tỉnh giao:	1.362,641 tỷ đồng
1.1. Chi từ nguồn đầu tư phát triển:	673,504 tỷ đồng
1.1.1. Chi từ 60% tiền sử dụng đất được để lại sử dụng:	150,000 tỷ đồng
1.1.2. Ghi thu ghi chi tiền thuê đất:	200,000 tỷ đồng
1.2.3. Chi từ vốn tỉnh và trung ương:	323,504 tỷ đồng
1.2.3.1. Nguồn vốn cân đối NSDP:	27,908 tỷ đồng
1.2.3.2. Nguồn sử dụng đất 40%:	198,000 tỷ đồng
1.2.3.3. Xổ số kiến thiết:	49,733 tỷ đồng
1.2.3.4. Chi nhà tình nghĩa (các xã quản lý):	0,580 tỷ đồng
1.2.3.5. Giao thông nông thôn (các xã quản lý):	47,283 tỷ đồng
1.2. Chi từ các khoản thu điều tiết thành phố hưởng (tổng được hưởng là: 603,458 tỷ đồng, trong đó: thành phố hưởng: 577,285 tỷ đồng và ngân sách xã, phường được hưởng 26,173 tỷ đồng):	577,285 tỷ đồng
1.3. Chi từ nguồn tỉnh trợ cấp kinh phí mua bảo hiểm y tế xã đảo, bảo hiểm cho trẻ em dưới 6 tuổi,...	111,852 tỷ đồng

2. Dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023

Trên cơ sở nêu trên, dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023 được xây dựng với tổng chi là 1.819,292 tỷ đồng, bằng 162,11% so với dự toán tỉnh giao năm 2022, bằng 78,3% dự toán HĐND giao đầu năm 2022, bằng 49,39% so với dự toán HĐND giao điều chỉnh giữa năm 2022 và bằng 61,74% ước thực hiện năm 2022. Bao gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển: 825,641 tỷ đồng (gồm: 150 tỷ từ nguồn thu 60% tiền sử dụng đất, 200 tỷ ghi thu ghi chi tiền thuê đất và 200 tỷ ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất, nguồn vốn tỉnh và trung ương 275,641 tỷ đồng), bằng 140,99% so với dự toán tỉnh giao năm 2022, bằng 58,48% dự toán HĐND giao đầu năm 2022, bằng 31,59% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022 và bằng 47,7% ước thực hiện năm 2022, chủ yếu là chênh lệch ghi thu ghi chi kế hoạch từ năm 2021 chuyển sang năm 2022 (390 tỷ đồng) và xây dựng cơ bản vốn tỉnh giao năm 2022 (494,894 tỷ đồng), nếu chỉ tính chi từ 60% nguồn thu tiền sử dụng đất trong năm 2023 là 150 tỷ đồng, bằng 25,61% dự toán tỉnh giao và dự toán do HĐND giao năm 2022, bằng 62,47% ước thực hiện năm 2022. Cụ thể:

2.1.1. Chi đầu tư XD CB từ tiền sử dụng đất (theo tỷ lệ 60% ngân sách thành phố được để lại sử dụng): 150 tỷ đồng.

2.1.2. Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất: 200 tỷ đồng.

2.1.3. Ghi thu ghi chi từ tiền thuê đất là 200 tỷ đồng.

2.1.4. Nguồn vốn cân đối NSDP là 27,908 tỷ đồng.

2.1.5. Xổ số kiến thiết là 49,733 tỷ đồng.

2.1.6. Nguồn sử dụng đất 40% là 198,000 tỷ đồng.

2.2. Chi thường xuyên: 786,078 tỷ đồng, bằng 169,38% so với dự toán tỉnh giao năm 2022, bằng 132,9% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 103,15% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022 và bằng 71,5% ước thực hiện năm 2022, trong đó: chi theo định mức chi của Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 330,189 tỷ đồng, kinh phí chi cho chính sách bảo hiểm y tế xã đảo, trẻ em dưới 6 tuổi,...: 111 tỷ đồng, chi trợ giá điện 20 tỷ đồng và kinh phí bố trí cho sự nghiệp kinh tế, môi trường, du lịch, một số nhiệm vụ đặc thù phát sinh chi của thành phố trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách thành phố, cụ thể từng lĩnh vực sau:

2.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 212,873 đồng, bằng 142,03% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 88,73% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 43,87% ước thực hiện năm 2022, để bố trí tập trung cho công tác: nạo vét hệ thống thoát nước, sửa chữa duy tu các tuyến đường, chỉnh trang đô thị, đèn tín hiệu giao thông, chi phí sửa chữa, mua sắm hệ thống chiếu sáng, tiền điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng 94 tỷ đồng, thực hiện các công trình thuộc lĩnh vực chăm sóc duy trì cây xanh 50 tỷ đồng, chi mua sắm sửa chữa thường xuyên 10 tỷ đồng, kinh phí quy hoạch 5 tỷ đồng, chi hỗ trợ cho ngân hàng chính sách 10 tỷ đồng, chi trợ giá điện 20 tỷ đồng....

2.2.2. Chi sự nghiệp Môi trường: 92,118 tỷ đồng, bằng 119,31% so với dự toán HĐND giao năm 2022, bằng 114,15% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 130,29% ước thực hiện năm 2022, bố trí thực hiện đảm bảo môi trường Phú Quốc xanh- sạch- đẹp, gồm: chi phí xử lý rác cho nhà máy điện rác 27 tỷ đồng, chi phí xử lý bãi rác An Thới 12,4 tỷ đồng, chi phí xử lý rác Đồng Cây Sao 15 tỷ đồng, chi phí thu gom, vận chuyển rác, quét rác cho lực lượng công nhân môi trường 20 tỷ đồng, các chi phí mua sắm, sửa chữa xe ô tô chuyên dùng,...

2.2.3. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 244,144 tỷ đồng, bằng 104,54% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 93,74% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 95,8% ước thực hiện năm 2022. Trong đó: chi theo định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 239,114 tỷ đồng và 5 tỷ đồng cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm.

2.2.4. Chi sự nghiệp y tế, dân số, gia đình: 152,609 tỷ đồng, bằng 279,9% so với dự toán HĐND giao năm 2022, bằng 220,68% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 100,5% ước thực hiện năm 2022. Trong đó: định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh 35,757 tỷ đồng, bố trí kinh phí mua bảo hiểm y tế xã đảo, trẻ e dưới 6 tuổi, học sinh-sinh

viên năm 2023: 111 tỷ đồng từ nguồn tỉnh bổ sung kinh phí năm 2023 và quản lý chung 5 tỷ đồng cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm.

2.2.5. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 8,221 tỷ đồng, bằng 100,27% so với dự toán và dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 104,06% ước thực hiện năm 2022. Trong đó: định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh 6,722 tỷ đồng, và quản lý chung 1,5 tỷ đồng từ nguồn thu thùng công đức nộp ngân sách thành phố.

2.2.6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 0,56 tỷ đồng theo định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, bằng 100,17% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 50,08% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 52,71% ước thực hiện năm 2022.

2.2.7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 1,31 tỷ đồng theo định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, bằng 100,17% so với dự toán và dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 111,3% ước thực hiện năm 2022.

2.2.8. Chi đảm bảo xã hội: 12,47 tỷ đồng, bằng 623,45% so với dự toán HĐND giao năm 2022, bằng 40,09% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 21,1% ước thực hiện năm 2022, trong đó: định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 2,004 tỷ đồng, phần chênh lệch còn lại là kinh phí trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và bảo hiểm cho các đối tượng chính sách: 10,466 tỷ đồng.

2.2.9. Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 48,629 tỷ đồng, bằng 100,12% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 98,26% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022 và bằng 102,88% ước thực hiện năm 2022, trong đó: định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 39,579 tỷ đồng, ngoài ra dự toán tăng so với định mức số tiền là 9,05 tỷ đồng kinh phí đặc thù để thành phố thuê mướn thêm lao động và các khoản chi phục vụ xử lý thêm khối lượng công việc phát sinh của thành phố.

2.2.10. Chi quốc phòng và an ninh: 7,143 tỷ đồng, bằng 73,72% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 67,34% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022, bằng 69,53% ước thực hiện năm 2022, trong đó: định mức Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 5,143 tỷ đồng, tăng 2 tỷ so với định mức để thành phố chi cho lực lượng công an quân sự trực đảm bảo công tác quản lý việc khai thác đất, khoáng sản và các tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố và công tác huấn luyện, diễn tập về quốc phòng phát sinh trong năm 2023.

2.2.11. Chi khác: 6 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 60% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022 và ước thực hiện năm 2022 để bố trí các nhiệm vụ chi khác phát sinh.

2.3. Chi từ nguồn cải cách tiền lương: 70 tỷ đồng, bằng 31,58% so với dự toán HĐND giao đầu năm và điều chỉnh năm 2022 nhằm bố trí cho chi một số chế độ chính sách theo chủ trương của tỉnh và dự kiến tăng lương cơ sở từ ngày 1.7.2023, bằng 3500% ước thực hiện năm 2022.

2.4. Chi khen thưởng: 7,861 tỷ đồng theo tỷ lệ 1% tổng chi thường xuyên năm 2023, bằng 524,05% so với dự toán HĐND giao đầu năm và điều chỉnh năm 2022 và bằng 786,08% ước thực hiện năm 2022.

2.5. Chi dự phòng: 18,549 tỷ đồng, tương đương 2% tổng chi ngân sách (loại trừ xây dựng cơ bản), bằng 199,84% so với dự toán tỉnh giao, 182,73% so với dự toán HĐND giao đầu năm, điều chỉnh được HĐND giao và ước thực hiện năm 2022.

2.6. Chi trợ cấp ngân sách xã, phường: 111,163 tỷ đồng, trong đó cân đối ngân sách thành phố là 63,300 tỷ đồng và nguồn tỉnh bổ sung kinh phí đối ứng giao thông nông thôn 47,283 tỷ đồng và xây dựng nhà tình nghĩa 580 triệu đồng, bằng 175,61% so với dự toán 2022 tỉnh giao, bằng 128,12% so với dự toán HĐND giao năm 2022 và bằng 122,32% dự toán điều chỉnh do HĐND giao năm 2022 và bằng 108,04% ước thực hiện năm 2022.

III. CÂN ĐỐI THU-CHI

1. Tổng dự toán thu:	5.780,000 tỷ đồng
2. Dự toán thu phân cấp thành phố quản lý:	2.334,000 tỷ đồng
3. Dự toán thu ngân sách thành phố được hưởng:	1.127,285 tỷ đồng
3.1. 60% nguồn sử dụng đất:	150,000 tỷ đồng
3.2. Các khoản thu điều tiết được hưởng:	577,285 tỷ đồng
3.3. Ghi thu tiền sử dụng đất:	200,000 tỷ đồng
3.4. Ghi thu tiền thuê đất:	200,000 tỷ đồng
4. Thu chuyển giao:	435,356 tỷ đồng
5. Kết dư và chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang	1.262,684 tỷ đồng
5.1. Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương:	1.050,515 tỷ đồng
5.2. Nguồn xây dựng cơ bản 60%:	25,518 tỷ đồng
5.3. Nguồn chi thường xuyên:	186,651 tỷ đồng
6. Dự toán chi ngân sách năm 2023:	1.819,292 tỷ đồng
6.1. Chi XDCB từ nguồn 60% tiền sử dụng đất:	150,000 tỷ đồng
6.2. Chi XDCB vốn tỉnh và trung ương:	275,641 tỷ đồng
6.2. Ghi chi tiền sử dụng đất:	200,000 tỷ đồng
6.3. Ghi chi tiền thuê đất:	200,000 tỷ đồng

6.5. Chi thường xuyên, chi khác, chi khen thưởng, dự phòng (đã bao gồm tiết kiệm chi theo quy định) từ nguồn thu điều tiết được hưởng (trong đó ước tiết kiệm chi 10% theo quy định là 10,168 tỷ đồng): 513,985 tỷ đồng

6.6. Chi từ tỉnh bổ sung chi thường xuyên: 111,852 tỷ đồng

6.6. Chi Cải cách tiền lương: 70,000 tỷ đồng

6.7. Chi trợ cấp ngân sách xã: 111,163 tỷ đồng

6.7.1. Chi trợ cấp xã: 63,300 tỷ đồng

6.7.2. Chi XDCB vốn tỉnh, trung ương phân cấp 47,863 tỷ đồng

6.8. Chi thường xuyên từ nguồn kết dư chi thường xuyên năm 2022 chuyển sang: 186,651 tỷ đồng

7. Chênh lệch thu chi (3+4+5-6) 1.016,201 tỷ đồng

7.1. Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương: 990,683 tỷ đồng

7.2. Nguồn xây dựng cơ bản 60%: 25,518 tỷ đồng

7.3. Nguồn chi thường xuyên: 0 tỷ đồng

IV. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

1. Tổng thu ngân sách xã, phường sử dụng: 139,786 tỷ đồng

1.1. Thu được hưởng điều tiết: 18,458 tỷ đồng

1.2. Thu được hưởng 100%: 7,715 tỷ đồng

1.3. Thu từ kết dư và chuyển nguồn phân bổ dự toán: 2,450 tỷ đồng

1.4. Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên giao đầu năm: 40,343 tỷ đồng

1.5. Thu từ nguồn ngân sách thành phố quản lý chung bổ sung trong năm 2023: 22,957 tỷ đồng

1.6. Thu từ nguồn tỉnh bổ sung đối ứng Giao thông nông thôn và kinh phí nhà tình nghĩa: 47,863 tỷ đồng

2. Tổng chi ngân sách xã, phường: 139,786 tỷ đồng

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NĂM 2023

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Tài chính - NSNN năm 2023, cần quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương lớn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025, các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025 và tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố tập trung tổ chức thực hiện các giải pháp chủ yếu đối với ngân sách địa phương như sau:

1. Phân đầu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất, huy động tất cả nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện hiệu quả Luật Quản lý thuế, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN, quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử và nền kinh tế số. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế.

Quản lý chặt chẽ công tác kê khai, nộp thuế, đơn đốc doanh nghiệp nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu vào NSNN. Theo dõi sát sao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi chây ì nợ thuế, buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế.

2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh trước hết là thủ tục hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp địa phương, phát huy kết quả đạt được, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần cắt giảm thời gian, chi phí, tăng tính công khai, minh bạch.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả để dành nguồn lực cho phòng, chống dịch Covid-19, phục hồi kinh tế và dự phòng cho các trường hợp bất khả kháng, khắc phục hậu quả thiên tai; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, khánh tiết; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công.

4. Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định hiện hành.

6. Trường hợp nguồn thu ngân sách địa phương dự kiến giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chủ động sử dụng các nguồn lực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp nhưng không đảm bảo số giảm thu, phải thực hiện sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán năm 2023 theo thứ tự ưu tiên cần thiết.

7. Tiếp tục triển khai lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Các đơn vị sự nghiệp cần tập trung rà soát, đối chiếu, kiểm kê tình hình quản lý sử dụng tài sản công và xây dựng

đề án sử dụng tài sản công để đề xuất cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định để tạo sự chủ động cho đơn vị sự nghiệp trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định pháp luật. Từng bước chuyển phương hướng hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng.

Trên đây là Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2022, điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2022 và xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách năm 2023. / *ĐHL*

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Thành uỷ thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lãnh đạo Phòng TCKH thành phố;
- LĐVP+ Đ/c Hưng;
- Lưu : VT. *7*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Tiến

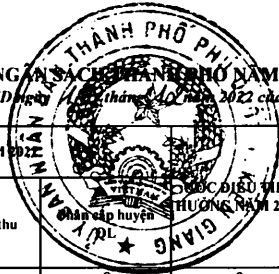
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 691/BC-UBND ngày 1 tháng 10 năm 2022 của UBND thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	CÂN ĐỐI 10 THÁNG NĂM 2022	CÂN ĐỐI NĂM 2022	CÂN ĐỐI NĂM 2023
*	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	4.494.872.139.906	6.000.100.000.000	5.780.000.000.000
I	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	3.233.195.443.604	4.209.241.825.598	2.825.325.424.847
1	Tổng thu điều tiết được hưởng:	993.435.121.026	1.895.592.152.000	1.127.285.000.000
1.1	Thu điều tiết	689.559.738.869	965.492.152.000	577.285.000.000
1.2	Thu tiền sử dụng đất và thuê đất	303.875.382.157	930.100.000.000	550.000.000.000
1.2.1	60% Thu tiền sử dụng đất	174.715.176.092	240.100.000.000	150.000.000.000
1.2.2	Thu tiền thuê đất (GTGC)	87.512.808.527	590.000.000.000	200.000.000.000
1.2.3	Thu tiền sử dụng đất (GTGC)	41.647.397.538	100.000.000.000	200.000.000.000
2	Thu chuyển giao (tỉnh bổ sung)	396.631.356.000	470.520.707.020	435.356.090.346
2.1	Bổ sung lĩnh vực XD CB	260.380.000.000	294.894.000.000	323.504.000.000
2.2	Bổ sung cân đối			
2.3	Bổ sung lĩnh vực chi thường xuyên	136.251.356.000	175.626.707.020	111.852.090.346
3	Thu chuyển nguồn	1.234.391.087.729	1.234.391.087.729	-
3.1	Chi chuyển nguồn 13-14-15 tại đơn vị	44.895.672.823	44.895.672.823	0
3.2	Kinh phí bổ sung mục tiêu và bổ sung chương trình mục tiêu từ ngân sách tỉnh tồn tại ngân sách thành phố cuối năm 2020	27.900.012.960	27.900.012.960	-
3.3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương tồn tại ngân sách thành phố	739.545.624.254	739.545.624.254	0
3.4	Nguồn dự toán + tạm ứng XD CB vốn tỉnh	205.156.760.439	205.156.760.439	-
3.5	Nguồn dự toán + tạm ứng XD CB vốn thành phố	216.893.017.253	216.893.017.253	-
4	Thu kết dư ngân sách	608.737.878.849	608.737.878.849	1.262.684.334.501
4.1	Nguồn tồn XD CB	373.183.289.796	373.183.289.796	25.518.286.539
4.2	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố	-		1.050.514.853.553
4.3	Nguồn chi thường xuyên	235.554.589.053	235.554.589.053	186.651.194.409
II	TỔNG CHI	1.314.363.511.645	2.946.557.491.097	1.819.292.284.755
1	Chi đầu tư	659.236.636.832	1.731.074.777.692	825.641.000.000
1.1	Ghi thu ghi chi	129.160.206.065	690.000.000.000	400.000.000.000
1.2	Chi từ 60% tiền sử dụng đất	156.941.683.782	240.100.000.000	150.000.000.000
1.3	Nguồn XD CB chuyển nguồn - vốn thành phố tạm ứng	53.490.389.390	216.893.017.253	
1.4	Chi từ nguồn kết dư ngân sách thành phố	80.863.983.364	84.031.000.000	
1.5	Nguồn tỉnh và trung ương kế hoạch năm	101.363.030.774	294.894.000.000	275.641.000.000
1.6	Nguồn tỉnh và trung ương chuyển nguồn	137.417.343.457	205.156.760.439	
2	Chi thường xuyên + dự phòng + chi khác + khen thưởng (trong đó thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định: 10,168 tỷ đồng)	579.114.293.630	1.110.592.342.405	812.488.284.755
3	Chi cải cách tiền lương	12.312.933.995	2.000.000.000	70.000.000.000
4	Chi chuyển giao	63.699.647.188	102.890.371.000	111.163.000.000
5	Chi chuyển nguồn		-	-
III	CHÊNH LỆCH THU CHI (KẾT DƯ)	1.918.831.931.959	1.262.684.334.501	1.016.201.140.093
1	Nguồn Xây dựng cơ bản 60%	473.495.426.605	25.518.286.539	25.518.286.539
2	Nguồn tồn XD CB vốn tỉnh + trung ương	199.991.386.208	-	-
3	Tồn chi cải cách tiền lương	847.049.230.367	1.050.514.853.553	990.682.853.553
4	Tồn nguồn chi thường xuyên	398.295.888.779	186.651.194.409	0

PHỤ LỤC 2: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN THU NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: **691** /BC-UBND ngày **14** tháng **10** năm **2022** của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)



Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN TRÊN ĐỊA BÀN GIAO ĐẦU NĂM 2022	DT PHÂN CẤP THÀNH PHỐ QL NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU TIẾT THÀNH PHỐ HƯỚNG NĂM 2022	ƯỚC CẢ NĂM 2022			ƯỚC THU NĂM 2023			DỰ TOÁN ĐIỀU TIẾT THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỚNG NĂM 2023	% SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM 2023 VỚI			% SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			
					Tổng	Cục Thuế thu		Tổng	Cục Thuế thu	Phân cấp huyện QL		DT năm 2022	DT phân cấp 2022	Ước thực hiện	DT (trên địa bàn	DT phân cấp	C/KY (phân cấp)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10/3	15=12/4	16=12/8	17=6/3	18=8/4	19=8/ck
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	5.400.000.000.000	2.980.000.000.000	1.105.470.000.000	6.000.100.000.000	2.500.000.000.000	3.500.100.000.000	1.895.592.152.000	5.780.000.000.000	3.446.000.000.000	2.334.000.000.000	1.127.285.000.000	107,84	78,32	66,68	111,11	117,45	154,65
A	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	-	-	-						
	Thuế GTGT hàng xuất nhập khẩu				500.000.000		500.000.000		-									
	Thuế xuất nhập khẩu				500.000.000		500.000.000		-									
B	CÁC KHOẢN THU CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5.400.000.000.000	2.980.000.000.000	1.105.470.000.000	5.999.100.000.000	2.500.000.000.000	3.499.100.000.000	1.895.592.152.000	5.780.000.000.000	3.446.000.000.000	2.334.000.000.000	1.127.285.000.000	107,04	78,32	66,70	111,09	117,42	155,22
1	Thu từ DNNN Trung ương (C1)	38.000.000.000	38.000.000.000	-	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-	71.000.000.000	-	71.000.000.000	-	186,84	186,84	131,48	142,11	142,11	241,84
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				-				-									
	- Thuế tài nguyên				-		-		-		-							
	- Thuế giá trị gia tăng	38.000.000.000	38.000.000.000	-	54.000.000.000		54.000.000.000		71.000.000.000		71.000.000.000							
	- Thuế tiêu thu đặc biệt				-				-									
2	Thu từ DNNN Địa phương (C2)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-	66,67	66,67	133,33	50,00	50,00	49,27
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1.500.000.000		1.500.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000							
	- Thuế tài nguyên		-	-	-		-		-									
	- Thuế giá trị gia tăng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	4.500.000.000		4.500.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000							
	- Thuế tiêu thu đặc biệt	-	-	-	-		-		-		-							
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	14.000.000.000	14.000.000.000	-	205.000.000.000	-	205.000.000.000	-	26.000.000.000	-	26.000.000.000	-	185,71	185,71	12,68	1.464,29	1.464,29	2.454,50
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.000.000	5.000.000.000	-	194.075.000.000		194.075.000.000		14.000.000.000		14.000.000.000							
	- Thuế tài nguyên		-	-	25.000.000		25.000.000		-									
	- Thuế giá trị gia tăng	9.000.000.000	9.000.000.000	-	10.900.000.000		10.900.000.000		12.000.000.000		12.000.000.000							
	- Thuế tiêu thu đặc biệt		-	-	-		-		-		-							
4	Thu thuế CTN - NQD (C754-758)	600.000.000.000	600.000.000.000	417.270.000.000	3.194.640.000.000	2.134.640.000.000	1.060.000.000.000	739.410.000.000	655.000.000.000	-	655.000.000.000	455.980.000.000	109,17	109,17	61,79	532,44	176,67	237,53
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.000.000.000	65.000.000.000	45.500.000.000	1.190.000.000.000	1.000.000.000.000	190.000.000.000	133.000.000.000	171.000.000.000		171.000.000.000	119.700.000.000						
	- Thuế tài nguyên	1.200.000.000	1.200.000.000		810.000.000	10.000.000	800.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000							
	- Thuế giá trị gia tăng	531.100.000.000	531.100.000.000	371.770.000.000	1.711.300.000.000	845.000.000.000	866.300.000.000	606.410.000.000	480.400.000.000		480.400.000.000	336.280.000.000						
	- Thuế tiêu thu đặc biệt	2.700.000.000	2.700.000.000	-	292.530.000.000	289.630.000.000	2.900.000.000		2.600.000.000		2.600.000.000							
5	Thuế thu nhập cá nhân	249.000.000.000	249.000.000.000	-	738.300.000.000	233.300.000.000	505.000.000.000	-	275.000.000.000	-	275.000.000.000	-	110,44	110,44	54,46	296,51	202,81	231,02
6	Thu tiền sử dụng đất	976.000.000.000	976.000.000.000	585.600.000.000	500.100.000.000	-	500.100.000.000	340.100.000.000	450.000.000.000	-	450.000.000.000	350.000.000.000	46,11	46,11	89,98	51,24	51,24	108,84
6.1	Thuế SDD phi nông nghiệp				100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	-								
6.2	Thu tiền mặt (trong dân)757				145.584.808.634		145.584.808.634	87.350.885.180	-	-	-	-						
6.3	Thu tiền mặt (dự án) 554:555:754	976.000.000.000	976.000.000.000	585.600.000.000	254.415.191.366	-	254.415.191.366	152.649.114.820	250.000.000.000	-	250.000.000.000	150.000.000.000						
6.4	Ghi thu ghi chi từ dự án	-			100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000						
7	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:	700.000.000.000	700.000.000.000	-	749.950.000.000	49.950.000.000	700.000.000.000	590.000.000.000	300.000.000.000	-	300.000.000.000	200.000.000.000	42,86	42,86	42,86	107,14	100,00	91,30
8	Thuế bảo vệ môi trường	200.000.000.000	200.000.000.000		125.000.000.000	-	125.000.000.000		285.000.000.000	-	285.000.000.000		142,50	142,50	228,00	62,50	62,50	126,80
9	Lệ phí trước bạ	105.000.000.000	105.000.000.000	54.600.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	88.400.000.000	181.000.000.000	-	181.000.000.000	94.120.000.000	172,38	172,38	106,47	161,90	161,90	155,55
10	Thu phí và lệ phí	22.000.000.000	22.000.000.000	7.000.000.000	20.935.000.000	1.935.000.000	19.000.000.000	9.861.000.000	22.000.000.000	-	22.000.000.000	6.145.000.000	100,00	100,00	115,79	95,16	86,36	118,56
11	Thu khác	63.000.000.000	63.000.000.000	41.000.000.000	226.800.000.000	80.000.000.000	146.800.000.000	124.306.152.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	21.040.000.000	95,24	95,24	40,87	360,00	233,02	159,58
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000.000.000	1.000.000.000		1.375.000.000	175.000.000	1.200.000.000	15.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000		100,00	100,00	83,33	137,50	120,00	136,28

STT	NỘI DUNG THU	TRÊN ĐỊA BÀN GIAO ĐẦU NĂM 2022	TIẾT THÀNH PHỐ QL NĂM 2022	TIẾT THÀNH PHỐ HƯỞNG NĂM 2022	Tổng	Cục Thuế thu	Phân cấp huyện QL	ƯỚC ĐIỀU TIẾT HƯỞNG NĂM 2022	Tổng	Cục Thuế thu	Phân cấp huyện QL	TIẾT THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG NĂM 2023	DT năm 2022	DT phân cấp 2022	Ước thực hiện	DT trên địa bàn	DT phân cấp	C/KỶ (phân cấp)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10/3	15=12/4	16=12/8	17=6/3	18=8/4	19=8/6k
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	5.400.000.000.000	2.980.000.000.000	1.105.470.000.000	6.000.100.000.000	2.500.000.000.000	3.500.100.000.000	1.895.592.152.000	5.780.000.000.000	3.446.000.000.000	2.334.000.000.000	1.127.285.000.000	107,04	78,32	66,68	111,11	117,45	154,65
13	Thu Đóng góp				7.000.000.000	-	7.000.000.000	3.500.000.000	-	-	-	-						193,45
14	SỐ THU CỦA CỤC THUẾ	2.420.000.000.000			-	-	-		3.446.000.000.000	3.446.000.000.000	-							
C	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN				-	-	-		-	-	-							

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUỐC THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: 691/BC-UBND ngày 19 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN NĂM HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022	THỰC HIỆN CHI 10 THÁNG 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH LẦN 2 NĂM 2022	DỰ TOÁN CHI NĂM 2023	DỰ TOÁN CHI NĂM 2023 (THEO ĐỊNH MỨC ND 06)	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 VỚI					SO SÁNH ƯỚC NĂM 2023 (%) VỚI			
										DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH (LẦN 02)	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH HĐND GIAO NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CHI	1.122.276.000.000	2.323.519.078.327	3.683.428.221.303	1.314.363.511.645	2.946.557.491.097	3.641.455.521.419	1.819.292.284.755	1.350.588.431.056	262,55	126,81	79,99	80,92	107,98	162,11	78,30	49,39	61,74
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.122.276.000.000	2.323.519.078.327	3.683.428.221.303	1.314.363.511.645	2.946.557.491.097	3.641.455.521.419	1.819.292.284.755	1.350.588.431.056	262,55	126,81	79,99	80,92	197,56	162,11	78,30	49,39	61,74
1	Chi đầu tư phát triển	585.600.000.000	1.411.955.000.000	2.597.188.067.488	659.236.636.832	1.731.074.777.692	2.340.208.780.949	825.641.000.000	825.641.000.000	295,61	122,60	66,65	73,97	224,60	140,99	58,48	31,79	47,70
1	Chi XDCB vốn tính phân cấp (vốn Trung ương + vốn tỉnh)	-	426.355.000.000	426.355.000.000	188.875.839.301	494.894.000.000	494.894.000.000	475.641.000.000	475.641.000.000		116,08	116,08	100,00	790,81	111,56	111,56	96,11	
-	Vốn TW hỗ trợ mục tiêu		163.500.000.000	163.500.000.000	77.342.762.556	163.500.000.000	163.500.000.000											
-	Vốn xổ số kiến thiết theo KH 2022		41.881.000.000	41.881.000.000	18.649.729.661	34.120.000.000	34.120.000.000	49.733.000.000	49.733.000.000									
	Nguồn tiền sử dụng đất nộp tỉnh (40%)				-	76.300.000.000	76.300.000.000	198.000.000.000	198.000.000.000									
-	Vốn CDNS địa phương KH 2022		220.974.000.000	220.974.000.000	92.883.347.084	220.974.000.000	220.974.000.000	227.908.000.000	227.908.000.000									
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền đất				87.512.808.527	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000									
2	Chi XDCB vốn ngân sách thành phố	585.600.000.000	985.600.000.000	1.358.783.289.796	198.589.081.320	424.131.000.000	1.033.265.003.257	350.000.000.000	350.000.000.000	72,43	43,03	31,21	41,05	72,09	59,77	35,51	25,76	82,52
-	Nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%)	585.600.000.000	585.600.000.000	585.600.000.000	156.941.683.782	240.100.000.000	585.600.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	41,00	41,00	41,00	41,00		25,61	25,61	25,61	62,47
-	Nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung		400.000.000.000	400.000.000.000	41.647.397.538	100.000.000.000	100.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000									
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền đất		400.000.000.000	400.000.000.000	41.647.397.538	100.000.000.000	100.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000									
-	Chi bồi thường cho các dự án trên địa bàn thành phố từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang			252.064.572.632	-		252.064.572.632											
	Chi bồi thường của dự án Khu di lịch ven biển Bắc Bãi Trường do Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam làm chủ đầu tư từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang			11.569.430.625			11.569.430.625											
-	Chi từ nguồn kết dư năm 2021 chuyển sang			109.549.286.539	-	84.031.000.000	84.031.000.000											
3	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2021 sang năm 2022	-	-	812.049.777.692	271.771.716.211	812.049.777.692	812.049.777.692	-	-			100,00	100,00	677,68			0,00	0,00
3.1	Nguồn vốn Trung ương và tỉnh	-	-	595.156.760.439	137.417.343.457	595.156.760.439	595.156.760.439	-	-								-	
	Nguồn vốn Trung ương (tạm ứng)			154.558.732.197	104.307.461.140	154.558.732.197	154.558.732.197											
	Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương			9.359.237.416	9.134.730.254	9.359.237.416	9.359.237.416											
	Ghi thu ghi chi chuyển kế hoạch từ năm 2021 chuyển sang			390.000.000.000	-	390.000.000.000	390.000.000.000											
	Nguồn tỉnh bổ sung xổ số kiến thiết			41.238.790.826	23.975.152.063	41.238.790.826	41.238.790.826											

ST T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN NĂM HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022	THỰC HIỆN CHI 10 THÁNG 2022	ƯỚC CHI NĂM 2022	DỰ TOÁN CHI ĐIỀU CHỈNH LẦN 2 NĂM 2022	DỰ TOÁN CHI NĂM 2023	DỰ TOÁN CHI NĂM 2023 (THEO ĐỊNH MỨC ND 06)	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 VỚI					SO SÁNH ƯỚC NĂM 2023 (%) VỚI			
										DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH (LẦN 02)	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HĐND GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIAO NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022
3.2	Chi XDCB vốn thành phố	-		216.893.017.253	134.354.372.754	216.893.017.253	216.893.017.253	-	-									
3.2.1	chuyển nguồn dự toán: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				-													
3.2.2	Chuyển nguồn tạm ứng:	-		216.893.017.253	134.354.372.754	216.893.017.253	216.893.017.253	-	-									
	Nguồn tiền sử dụng đất			119.606.037.566	53.490.389.390	119.606.037.566	119.606.037.566											
	Nguồn kết dư NS thành phố			97.286.979.687	80.863.983.364	97.286.979.687	97.286.979.687											
II	Chi thường xuyên (1+2+...+12)	464.094.000.000	591.490.487.474	762.050.116.962	577.484.042.380	1.099.441.342.405	1.184.705.369.470	786.078.133.089	330.189.449.676	236,90	185,88	144,27	92,80	244,59	169,38	132,90	103,15	71,50
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	-	149.881.043.662	239.922.879.064	186.381.446.860	485.272.498.350	532.711.175.552	212.872.694.067	-		323,77	202,26	91,09	322,10		142,03	88,73	43,87
2	SN Khoa học công nghệ:				-													
3	Chi Sự nghiệp môi trường, du lịch	-	77.209.358.506	80.701.064.792	20.987.417.297	70.701.064.792	80.701.064.792	92.118.240.000	-		91,57	87,61	87,61	254,67		119,31	114,15	130,29
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	214.644.000.000	233.550.323.157	260.444.324.747	181.168.079.461	254.835.761.644	260.444.324.747	244.144.243.220	239.114.243.220	118,72	109,11	97,85	97,85	147,04		104,54	93,74	95,80
5	Chi SN y tế, dân số và gia đình	-	54.523.672.397	69.154.367.932	117.769.266.225	151.852.675.596	170.812.745.952	152.609.318.692	35.757.228.346		278,51	219,59	88,90	330,93		279,90	220,68	100,50
6	Chi SN văn hóa thông tin	-	8.199.745.447	8.199.745.447	3.458.616.967	7.901.425.223	8.199.745.447	8.221.872.374	6.721.872.374		96,36	96,36	96,36	169,86		100,27	100,27	104,06
7	Chi SN thể dục thể thao:	-	559.782.500	1.119.782.500	621.889.769	1.063.804.250	1.119.782.500	560.731.875	560.731.875		190,04	95,00	95,00	1142,50		100,17	50,08	52,71
8	Chi SN phát thanh, truyền hình	-	1.307.363.000	1.307.363.000	279.752.963	1.176.626.700	1.307.363.000	1.309.580.250	1.309.580.250		90,00	90,00	90,00	301,70		100,17	100,17	111,30
9	Chi SN Đảm bảo Xã hội:	-	2.000.771.000	31.103.051.000	17.627.968.226	59.098.431.900	59.311.629.000	12.469.823.250	2.004.164.250		2953,78	190,01	99,64	2382,86		623,25	40,09	21,10
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	0	48.571.401.804	49.490.512.479	38.316.563.612	47.265.730.549	49.490.512.479	48.628.943.861	39.578.943.861		97,31	95,50	95,50	117,85		100,12	98,26	102,88
11	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	-	9.687.026.000	10.607.026.000	5.421.939.300	10.273.323.400	10.607.026.000	7.142.685.500	5.142.685.500		106,05	96,85	96,85	275,89		73,73	67,34	69,53
12	Chi khác		6.000.000.000	10.000.000.000	5.451.101.700	10.000.000.000	10.000.000.000	6.000.000.000			166,67	100,00	100,00	131,63		100,00	60,00	60,00
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	221.657.590.853	221.657.590.853	12.312.933.995	2.000.000.000	2.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000		0,90	0,90	100,00	1,12		31,58	31,58	3500
IV	Chi khen thưởng		1.500.000.000	1.500.000.000	585.515.000	1.000.000.000	1.500.000.000	7.860.781.331	3.301.894.497		66,67	66,67	66,67	87,63		524,05	524,05	786,08
V	Chi dự phòng:	9.282.000.000	10.151.000.000	10.151.000.000	1.044.736.250	10.151.000.000	10.151.000.000	18.549.370.334	10.293.086.883	109,36	100,00	100,00	100,00	75,83	199,84	182,73	182,73	182,73
VI	Chi trợ cấp NS xã	63.300.000.000	86.765.000.000	90.881.446.000	63.699.647.188	102.890.371.000	102.890.371.000	111.163.000.000	111.163.000.000	162,54	118,59	113,21	100,00	130,61	175,61	128,12	122,32	108,04
B	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		-	-	-													
C	CHI TỪ NGUỒN TẶNG THU	-	-	-	-	-	-	-	-									
D	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH				-													
E	CHI CHUYỂN NGUỒN				-													